

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- Tên nhiệm vụ: **Lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp tỉnh Lai Châu theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Thực hiện nhiệm vụ dự án.
- Kế hoạch LCNT đăng tải theo mã số: PL2600075739-00
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu.
- Giá gói thầu: 7.712.919.000 VNĐ.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi thường xuyên năm 2026.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày/ Bắt đầu Quý II năm 2026.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: **220 ngày.**
- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Mục tiêu công việc

Xác định rõ phạm vi quản lý theo địa bàn giữa các xã, phường của tỉnh Lai Châu. Đảm bảo khép kín đường địa giới đơn vị hành chính các cấp và thống nhất theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xây dựng được bộ hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp thật sự khoa học, đầy đủ, chính xác, pháp lý và thống nhất làm tài liệu pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về địa giới đơn vị hành chính.

Mục tiêu cụ thể hóa trong khối lượng công việc như sau:

- Sửa chữa số hiệu mặt mốc của các mốc địa giới đơn vị hành chính cho phù hợp với tên đơn vị hành chính mới và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Lập mới 38 bộ hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã trên nền bản đồ địa hình quốc gia VN-2000 tỷ lệ 1:10.000.
- Lập mới 01 bộ hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trên nền bản đồ địa hình quốc gia VN-2000 tỷ lệ 1:50.000...

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1 Yêu cầu kỹ thuật tổng quát:

(i) Công tác chuẩn bị:

Thu thập nghiên cứu, đánh giá tài liệu bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và mốc địa giới hành chính các cấp được lập theo Dự án 513. Khảo sát thực địa đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính các cấp.

(ii) Mốc địa giới đơn vị hành chính:

- Sửa ghi chú mặt mốc và lập sơ đồ vị trí mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp.

- Hủy mốc địa giới đơn vị hành chính các cấp không còn phù hợp với tên đơn vị hành chính mới sau khi thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(iii) Thành lập mới bộ hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh:

- Thành lập bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp xã:

- Thành lập bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh:

- Ký kết pháp lý hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh. .

3.2 Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

a) Đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Lai Châu theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội” được lập cho 38 đơn vị hành chính cấp xã và 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

1. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu và Mường Kim thành xã mới có tên gọi là xã **Mường Kim**.

2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Ta Gia và xã Khoen On thành xã mới có tên gọi là xã **Khoen On**.

3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số củathị trấn Than Uyên vàcác xã Mường Than, Hua Nà, Mường Cang thành xã mới có tên gọi là xã **Than Uyên**.

4. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Than và xã Mường Mít thành xã mới có tên gọi là xã **Mường Than**.

5. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hố Mít và xã Pắc Ta thành xã mới có tên gọi là xã **Pắc Ta**.

6. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tà Mít và xã Nậm Sỏ thành xã mới có tên gọi là xã **Nậm Sỏ**.

7. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số củathị trấn Tân Uyên và các xã Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cần thành xã mới có tên gọi là xã **Tân Uyên**.

8. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phúc Khoa và xã Mường Khoa thành xã mới có tên gọi là xã **Mường Khoa**.

9. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nà Tăm và xã Bản Bothành xã mới có tên gọi là xã **Bản Bo**.

10. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Tam Đường, xã Sơn Bình và xã Bình Lư thành xã mới có tên gọi là xã **Bình Lư**.

11. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Giang Ma, Hồ Thầu và Tả Lèngthành xã mới có tên gọi là xã **Tả Lèng**.

12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bản Hòn và xã Khun Há thành xã mới có tên gọi là xã **Khun Há**.

13. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nậm Xe, Thèn Sin và Sin Suối Hồ thành xã mới có tên gọi là xã **Sin Suối Hồ**.

14. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Phong Thổ và các xã Huổi Luông, Ma Li Pho, Mường So thành xã mới có tên gọi là xã **Phong Thổ**.

15. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tung Qua Lìn, Mù Sang và Đào San thành xã mới có tên gọi là xã **Đào San**.

16. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vàng Ma Chải, Mồ Sỉ San, Pa Vây Sừ và Sỉ Lở Lầu thành xã mới có tên gọi là xã **Sỉ Lở Lầu**.

17. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hoàng Thèn, Bản Lang và Khổng Lào thành xã mới có tên gọi là xã **Khổng Lào**.

18. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Làng Mồ, Tả Ngảo và Tủa Sín Chải thành xã mới có tên gọi là xã **Tủa Sín Chải**.

19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Sìn Hồ và các xã Sà Dề Phìn, Phăng Sô Lìn, Tả Phìn thành xã mới có tên gọi là xã **Sìn Hồ**.

20. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Phìn Hồ, Ma Quai và Hồng Thù thành xã mới có tên gọi là xã **Hồng Thù**.

21. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Lùng Thàng, Nậm Cha và Nậm Tăm thành xã mới có tên gọi là xã **Nậm Tăm**.

22. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Pa Khóa, Noong Hẻo và Pu Sam Cáp thành xã mới có tên gọi là xã **Pu Sam Cáp**.

23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nậm Hăn và xã Nậm Cuối thành xã mới có tên gọi là xã **Nậm Cuối**.

24. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Căn Co và xã Nậm Mạ thành xã mới có tên gọi là xã **Nậm Mạ**.

25. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nậm Pì, Pú Dao, Chăn Nưa và Lê Lợi thành xã mới có tên gọi là xã **Lê Lợi**.

26. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Nậm Nhùn, xã Nậm Manh và xã Nậm Hàng thành xã mới có tên gọi là xã **Nậm Hàng**.

27. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nậm Chà và xã Mường Mô thành xã mới có tên gọi là xã **Mường Mô**.

28. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vàng San và xã Hua Bum thành xã mới có tên gọi là xã **Hua Bum**.

29. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Nậm Ban, Trung Chải và Pa Tần thành xã mới có tên gọi là xã **Pa Tần**.

30. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Pa Vệ Sủ và xã Bum Nưa thành xã mới có tên gọi là xã **Bum Nưa**.

31. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Mường Tè, xã Can Hồ và xã Bum Tở thành xã mới có tên gọi là xã **Bum Tở**.

32. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nậm Khao và xã Mường Tè thành xã mới có tên gọi là xã **Mường Tè**.

33. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Ka Lăng và xã Thu Lũm thành xã mới có tên gọi là xã **Thu Lũm**.

34. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tá Bạ và xã Pa Ủ thành xã mới có tên gọi là xã **Pa Ủ**.

35. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Tân Phong, phường Đông Phong và các xã San Thàng, Nùng Nàng, Bản Giang thành phường mới có tên gọi là phường **Tân Phong**.

36. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Đoàn Kết, Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Lán Nhì Thàng và xã Sùng Phài thành phường mới có tên gọi là phường **Đoàn Kết**.

37. Sau khi sắp xếp, tỉnh Lai Châu có 38 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 36 xã và 02 phường; trong đó có 34 xã và 02 phường hình thành sau sắp xếp quy định tại Điều này và 02 xã không thực hiện sắp xếp là xã Mù Cỏ, xã Tà Tổng.

b) Nội dung công việc trong thiết kế kỹ thuật:

(i) Công tác chuẩn bị

Sau khi sắp xếp, tỉnh Lai Châu có 38 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 36 xã và 02 phường vì vậy công tác chuẩn bị sẽ thực hiện cho toàn bộ 38 đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu.

(ii) Về xác định, chuyển vẽ đường địa giới đơn vị hành chính

Theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025, các đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập trên cơ sở nhập nguyên trạng các đơn vị hành chính xã cũ. Do vậy sẽ kế thừa đường địa giới hành chính được xác định theo theo Dự án 513 và Nghị quyết 866/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không thực hiện nội dung xác định, chuyển vẽ đường địa giới đơn vị hành chính.

(iii) Về mốc địa giới đơn vị hành chính

Tổng số mốc trên toàn tỉnh Lai Châu đã thực hiện theo Dự án 513 và Nghị quyết 866/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 285 mốc, để phù hợp với đường địa giới ĐVHC theo Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025 cần thực hiện các nội dung công việc gồm:

- Mốc sửa mặt để phù hợp với đường địa giới đơn vị hành chính mới là 125 mốc (gồm 123 mốc cấp xã và 2 mốc cấp tỉnh).
- Mốc hủy bỏ không còn phù hợp với thực tế quản lý do điều chỉnh đường địa giới đơn vị hành chính theo Nghị quyết là 158 mốc.
- Mốc giữ nguyên: 2 mốc

(iv) Về bản đồ địa giới đơn vị hành chính

- Thành lập bản đồ địa giới ĐVHC cấp tỉnh Lai Châu gồm: 24 mảnh bản đồ tỷ lệ 1:50.000;
- Thành lập bản đồ địa giới đơn vị hành chính cho 38 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 500 mảnh bản đồ tỷ lệ 1:10.000.

(v) Về hồ sơ địa giới đơn vị hành chính

- Lập mới hồ sơ cho 38 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lai Châu;
- Lập mới hồ sơ cho 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh của tỉnh Lai Châu;

3.3 Tổng hợp Khối lượng công việc và phân loại khó khăn:

Xem tại Mẫu số 01A-PHẠM VI CUNG CẤP (Chương IV, E-HSMT)

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

(i) Giải pháp và phương pháp luận;

(ii) Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu sản phẩm gói thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31/10/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)).

- Nhà thầu sẵn sàng bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp để:
- + Giải quyết các vướng mắc phát sinh về kỹ thuật trong quá trình thực hiện.
- + Xử lý kịp thời những yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- + Tổ chức nghiệm thu sản phẩm của gói thầu khi hoàn thiện sản phẩm.
- + Thực hiện các công việc khác (Nếu có).